

Bản án số: 74/2025/DS-PT
Ngày: 15/4/2024
*V/v tranh chấp chia tài sản
Chung và chia thừa kế tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Công Phương.
- *Các Thẩm phán:* Ông Thái Văn Hà.
Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Cường là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:*
Bà Lê Thị Vân-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp chia tài sản chung, chia thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 386/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 287/2024/QĐ-PT ngày 31 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T (chết ngày 01/4/2025):

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông T:

- Bà Trần Thị M (vợ ông T); có mặt.
- Anh Nguyễn Tuấn V (con ông T); có mặt.
- Cháu Nguyễn Thị Mỹ L-Sinh 2019 (con ông T).

Đại diện theo pháp luật của cháu L: Bà Trần Thị M (mẹ đẻ).

Cùng cư trú tại: Khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M, anh V và cháu L: Luật sư Lê Thị Xuân P, hoạt động tại Công ty L2-Chi nhánh Đ; địa chỉ: G T, phường T, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn C; cư trú tại: Khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Luật sư Nguyễn Hữu H, hoạt động tại Công ty L3; địa chỉ: 2 đường số A, T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Võ Thị Bạch T1.
- Anh Nguyễn Hữu Q.
- Chị Nguyễn Thị Mỹ T2.

Cùng cư trú tại: Khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

Đại diện hợp pháp của bà Võ Thị Bạch T1, anh Nguyễn Hữu Q, chị Nguyễn Thị Mỹ T2: Ông Nguyễn C; cư trú tại: Khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định (Văn bản ủy quyền ngày 03/5/2018).

- Ông Nguyễn Thanh T3.
- Bà Lê Thị P; vắng mặt.
- Bà Trần Thị M; có mặt.

Cùng cư trú tại: Khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- Ông Nguyễn Thanh H1; cư trú tại: Số D đường P, phường Q, thành phố K, tỉnh Kon Tum; có mặt.

- Ông Nguyễn Khắc T4; cư trú tại: Số G đường T, phường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; vắng mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ Nguyễn Thị L1 (chết ngày 16/11/2023):

- Ông Trịnh Văn C1; cư trú tại: Khu phố F, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh T3; có mặt.

Cùng cư trú tại: Khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn C là bị đơn, ông Nguyễn Thanh T3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

- *Cơ quan kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:

Hộ cụ Nguyễn T5 được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, cân đối giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 08 thửa đất, gồm 04 thửa đất số 216; 343; 103; 101B, cùng tờ bản đồ số 04 và 04 thửa đất số 255; 258; 265; 599B, cùng tờ bản đồ số 05 tại khu phố N, phường H, thị xã H,

tỉnh Bình Định. Hộ có 05 nhân khẩu là cụ T5, ông C, cụ L1, ông T, ông T3 và đã tự phân chia sử dụng như sau:

Cụ L1, ông T, ông T3 chung quyền sử dụng 05 thửa đất, gồm thửa đất số 216, tờ bản đồ số 04 và 04 thửa đất số 255; 258; 265; 599B, cùng tờ bản đồ số 05.

Cụ T5, ông C chung quyền sử dụng 03 thửa đất số 343; 103; 101B, cùng tờ bản đồ số 04.

Cụ T5 chết năm 1996, cụ L1 chết năm 2023, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung là quyền sử dụng 08 thửa đất nói trên cho các thành viên trong hộ cụ T5 như đã tự phân chia và chia thừa kế đối với tài sản của cụ T5 và của bà L1 chết để lại. Ông yêu cầu được nhận một phần thửa đất số 343 để sử dụng làm nơi thờ cúng ông bà.

Bị đơn ông Nguyễn C trình bày:

Hộ gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thị xã) Hoài Nhơn, cân đối, giao quyền và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng 08 thửa đất nói trên. Hộ có 08 nhân khẩu là cụ T5, ông C, cụ L1, ông T, ông T3, bà T1, anh Q, chị T2 và đã tự phân chia sử dụng như sau:

Cụ L1, ông T, ông T3 chung quyền sử dụng 05 thửa đất, gồm thửa đất số 216, tờ bản đồ số 04 và 04 thửa đất số 255; 258; 265; 599B, cùng tờ bản đồ số 05.

Cụ T5, ông C, bà T1, anh Q, chị T2 chung quyền sử dụng 03 thửa đất số 343; 103; 101B, tờ bản đồ số 04.

Cụ T5 đã chết năm 1996. Ông đồng ý với yêu cầu về việc chia tài sản chung là quyền sử dụng 08 thửa đất nói trên nhưng chia cho 08 thành viên trong hộ gia đình như đã tự phân chia và chia thừa kế đối với tài sản của cụ T5 chết để lại. Ông yêu cầu được nhận thửa đất số 343 để ở và thờ cúng ông bà.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khắc T4, ông Nguyễn Thanh H1, bà Trần Thị M là ông Nguyễn T trình bày: Thống nhất như trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M bổ sung trình bày:

Toàn bộ tài sản trên thửa đất số 216 là tài sản riêng của vợ chồng bà và ông T, không liên quan gì đến tài sản chung hộ gia đình cho nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bạch T1, anh Nguyễn Hữu Q, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 là ông Nguyễn C trình bày: Những người nêu trên thống nhất như trình bày và yêu cầu của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Bạch T1 bổ sung trình bày: Trên thửa đất số 343 còn có các tài sản gồm 01 ngôi nhà, tường rào xây gạch lười B40, cây ăn quả dừa và cau là tài sản riêng của vợ chồng bà và ông C, các tài sản này bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T3 trình bày: Thống nhất như trình bày và yêu cầu của ông C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Lê Thị Phương trình B: Toàn bộ tài sản trên 02 thửa đất số 255 và thửa đất số 258 đã bị giải toả, thu hồi làm đường C – Nam, bà yêu cầu giải quyết như đã thống nhất.

Ngôi nhà 1 bồi thường 182.067.500 đồng là tài sản chung của bà, ông T3, cụ L1. Trong đó phần của bà là 60.689.166 đồng. Ngôi nhà 2 bồi thường 59.675.500 đồng; chuồng heo bồi thường 29.990.400 đồng; chuồng gà bồi thường 66.882.000 đồng; tường xây gạch bồi thường 11.768.040 đồng; trụ bê tông 617.242 đồng; lưới B40 bồi thường 2.282.880 đồng; giếng đóng 1 bồi thường 25.650.000 đồng; giếng đóng 2 bồi thường 13.500.000 đồng; đường dây điện bồi thường 3.080.700 đồng; chuồng bò bồi thường 22.486.005 đồng. Tổng cộng là 235.932.767 đồng là tài sản chung của bà và ông T3. Trong đó phần của bà là 117.966.384 đồng. Cây cối hoa màu bồi thường tổng cộng là 83.603.400 đồng. Trong đó của cụ L1 có 12 cây dừa có quả thu hoạch tốt bồi thường 17.640.000 đồng. Còn lại bồi thường 65.963.400 đồng là tài sản chung của bà và ông T3. Trong đó phần của bà là 32.981.700 đồng. Về chính sách hỗ trợ 14.678.000 đồng và hỗ trợ thuê nhà và đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng 20.000.000 đồng, tổng cộng 34.678.000 đồng là hỗ trợ cho bà và ông T3. Trong đó phần của bà là 17.339.000 đồng. Tổng cộng phần của bà là 228.976.250 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Văn C1 trình bày: Ông là con riêng của cụ L1 (chết năm 2023), đối với phần tài sản của cụ L1 chết để lại, ông từ chối nhận và đồng ý giao lại cho 02 em là ông T và ông T3 được trọn quyền sở hữu. Vì ở xa đi lại khó khăn và bận công việc làm ăn, ông xin đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 386/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đã quyết định:

1. Đối với số tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư do giải phóng mặt bằng công trình đường C - Nam 2.245.648.067 đồng.

+ Ông Nguyễn T được nhận 918.847.783 đồng.

+ Ông Nguyễn Thanh T3 được nhận 1.097.824.033 đồng. Ông T3 đã nhận tạm ứng 1.000.000.000 đồng, tính trừ còn lại ông T3 nhận 97.824.033 đồng.

+ Bà Lê Thị P được nhận 228.976.250 đồng. Ông T, ông T3, bà P liên hệ với Ban Q1 phát triển quỹ đất thị xã H để được nhận số tiền trên.

2. Giao cho vợ chồng ông Nguyễn T bà Trần Thị M được quyền sử dụng thửa đất số 216, tờ bản đồ số 04, nay là thửa đất số 348, tờ bản đồ số 15 (bản đồ VN 2000), diện tích thực tế 474,6m² đất màu tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

+ Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T3 bà Lê Thị P được quyền sử dụng thửa đất số 265, tờ bản đồ số 05, nay là một phần thửa đất số 07, tờ bản đồ

số 15 (bản đồ VN 2000), diện tích thực tế 536,2m² tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu 07 cây dừa ta trên thửa đất được giao.

+ Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh T3 bà Lê Thị P được quyền sử dụng thửa đất số 599B, tờ bản đồ số 05, nay là thửa đất số 344, tờ bản đồ số 10 (bản đồ VN 2000), diện tích 633,3m² đất lúa tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

3. Giao cho ông Nguyễn C, bà Võ Thị Bạch T1, anh Nguyễn Hữu Q, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 chung quyền sử dụng thửa đất số 101B, tờ bản đồ số 04, nay là thửa đất số 426, tờ bản đồ số 15 (bản đồ VN 2000), diện tích thực tế 498,4m² đất màu tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu 08 cây dừa ta trên thửa đất được giao.

+ Giao cho ông Nguyễn C, bà Võ Thị Bạch T1, anh Nguyễn Hữu Q, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 chung quyền sử dụng thửa đất số 103, tờ bản đồ số 04, nay là thửa đất số 424, tờ bản đồ số 15 (bản đồ VN 2000), diện tích thực tế 1.050,6m² đất màu tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

+ Giao cho ông Nguyễn C, bà Võ Thị Bạch T1, anh Nguyễn Hữu Q, chị Nguyễn Thị Mỹ T2 chung quyền sử dụng một phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 04, nay là một phần thửa đất số 334, tờ bản đồ số 15 (bản đồ VN 2000), diện tích 1.805,2m² (Trong đó có: 120m² đất ở và 1.685,2m² đất vườn) tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được giao.

+ Giao cho ông Nguyễn Thanh T3 được quyền sử dụng một phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 04, nay là một phần thửa đất số 334, tờ bản đồ số 15 (bản đồ VN 2000), diện tích 359,7m² (Trong đó có: 40m² đất ở và 319,7m² đất vườn) tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu toàn bộ cây dừa, cây cau có trên phần đất được giao.

+ Giao cho ông Nguyễn T được quyền sử dụng một phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 04, nay là một phần thửa đất số 334, tờ bản đồ số 15 (bản đồ VN 2000), diện tích 378,3m² (Trong đó có: 40m² đất ở và 338,7m² đất vườn) tại khu phố N, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định và được quyền sở hữu toàn bộ cây dừa và cây cau có trên phần đất được giao.

4. Buộc ông Nguyễn T phải trả cho ông Nguyễn Khắc T4 94.432.000 đồng và phải trả cho ông Nguyễn Thanh H1 7.243.583 đồng.

+ Buộc ông Nguyễn Thanh T3 phải trả cho ông Nguyễn Thanh H1 85.761.150 đồng.

+ Buộc ông Nguyễn C phải trả cho ông Nguyễn Thanh H1 1.427.798 đồng.

+ Buộc ông Nguyễn T phải trả cho ông Nguyễn Thanh T3 10.808.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 12 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn C kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại việc chia tài sản chung, chia thừa kế của cụ Nguyễn T6, xem xét công sức đóng góp của gia đình ông trong việc giữ gìn, tôn tạo di sản của cụ Nguyễn T5, xem xét tính chi phí đổ đất nâng nền thửa đất 343, tờ bản đồ số 4 với số tiền là 120.000.000 đồng, xác định phần diện tích 200m² đất ở tại thửa 343, tờ bản đồ số 4 là của cụ T5, ông C, bà T1, anh Q, chị T2 và chia đều cho 05 người vì các bên đều đã thống nhất và đã giao cho 05 người thửa đất này.

Ngày 12 tháng 10 năm 2024, ông Nguyễn Thanh T3 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại việc chia tài sản chung, chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1 là quyền sử dụng đất và đối với số tiền đền bù giải phóng mặt bằng và xem xét công sức đóng góp giữ gìn, tôn tạo làm tăng giá trị của 02 thửa đất số 255 và 258, tờ bản đồ số 05 trong thời gia trước khi bị thu hồi, giải tỏa làm đường C. Đề nghị giao cho ông Nguyễn T sử dụng các thửa đất số 216, tờ bản đồ số 04, thửa 265 và thửa 559B tờ bản đồ số 05, ông xin nhận lại giá trị chênh lệch. Đối với phần ông được nhận từ việc chia tài sản chung, chia thừa kế của cụ Nguyễn T5 thì ông đề nghị giao lại cho ông Nguyễn C được sở hữu, sử dụng.

Ngày 30/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định ra quyết định kháng nghị số: 774/QĐ-VKS đề nghị HĐXX hủy Toàn bộ Bản án số: 386/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định, để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Luật sư Lê Thị Xuân P trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bà M, anh V và cháu L: Do diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm xét cấp sơ thẩm đã có nhiều vi phạm trong quá trình giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn giải quyết lại.

Luật sư Nguyễn Hữu H trình bày luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông bị đơn ông Nguyễn C: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn hủy Bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về Tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn C và của ông Nguyễn Thanh T3. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Nguyễn C, của ông Nguyễn Thanh T3 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định, HĐXX thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã có những vi phạm như sau:

[1.1] Thứ nhất, Trong hồ sơ vụ án không có chứng cứ thể hiện nguồn gốc 200m² đất ở thuộc thửa đất số 343, tờ bản đồ số 04 là của cụ Nguyễn T5 với người vợ trước của cụ T5 là cụ Phan Thị T7, hay có nguồn gốc của cụ T5 và cụ Nguyễn Thị L1, hoặc là thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông C và cấp sơ thẩm cũng không đối chất giữa các bên đương sự để làm rõ về nguồn gốc đất, nhưng vẫn xác định diện tích đất này là tài sản chung của cụ T5 và cụ T7 là không đủ cơ sở vững chắc.

[1.2] Thứ hai, cụ trực chết năm 1968 thì thời hiệu thừa kế khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của cụ T7 là vào thời điểm cụ T7 chết. Theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật dân sự năm 2015, Hướng dẫn tại tiểu mục 2.2 Nghị quyết số: 02/2004/HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 ngày 30/8/1990 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì trường hợp thời hiệu mở thừa kế của cụ T7 được tính từ ngày 10/10/1990. Do đó, việc cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ T7 đã hết, là không đúng quy định của pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T4, ông H1 và ông C.

[1.3] Thứ ba, các bên đương sự đã thống nhất thỏa thuận phân chia cho cụ T5, ông C, bà T1, anh Q, chị T2 được quyền sử dụng chung 03 thửa đất trong đó có thửa 343, tờ bản đồ số 04 đã có nhà cửa vật kiến trúc trên đất của vợ chồng ông C, bà T1 nên muốn chia thừa kế di sản của cụ T5 thì trước hết khối tài sản này phải chia đều cho 05 người là cụ T5, ông C, bà T1, anh Q, chị T2 mỗi người 1 phần vì đây là tài sản chung, cụ thể: Thửa đất số 343, tờ bản đồ số 04 có diện tích theo đo đạc thực tế là 2553,5m² (trong đó có 200m² đất ở và 2353,5m² đất vườn) : 5 = (40m² đất ở + 470,7m² đất vườn)/phần. Phần của cụ T5 sẽ được chia thừa kế cho 06 người ở hàng thừa kế thứ nhất của cụ là cụ L1, ông T4, ông H1, ông C, ông T và ông T3: (40m² đất ở + 470,7m² đất vườn) : 6 = (6,7m² đất ở + 78,45m² đất vườn). Như vậy, mỗi kỹ phần thừa kế của cụ T5 chỉ có 6,7m² đất ở và 78,45m² đất vườn và ông T không thuộc trường hợp cấp thiết về nhu cầu chỗ ở vì đã xây dựng nhà cửa và có cuộc sống ổn định trên thửa đất số 216, tờ bản đồ số 04. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm vẫn chấp nhận chia bằng hiện vật một phần thửa đất 343, tờ bản đồ số 04 cho ông T diện tích 378,3m² (Trong đó có: 40m² đất ở và 338,7m² đất vườn) và chia cho ông T3 diện tích 359,7m² (Trong đó có: 40m² đất ở và 319,7m² đất vườn), là không đảm bảo đủ điều kiện để tách thửa theo quy định tại Quyết định số: 36/2024 ngày 01/8/2024 của UBND tỉnh B và làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông C, bà T1, anh Q và chị T2.

[1.4] Thứ tư, ông T3 và ông C tự nguyện thỏa thuận ông T3 tặng cho lại kỹ phần được hưởng di sản từ cụ T5 cho ông C. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm không công nhận sự thỏa thuận của đương sự mà lại tuyên giao cho ông T3 quyền sử dụng một phần thửa đất 343, tờ bản đồ số 04 là trái với quy định tại Điều 5 của

Bộ luật tố tụng dân sự, làm mất đi quyền tự định đoạt về tài sản, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T3, ông C.

[1.5] Thứ năm, theo biên bản định giá ngày 26/4/2024 thì trên các thửa đất có 60 cây dừa của cụ tỉnh để lại, 09 cây dừa của ông C, ngoài ra gia đình ông C còn có một số tài sản như nhà cửa, vật kiến trúc... Cấp sơ thẩm giao cho Gia đình ông C, ông T và ông T3 mỗi bên được sử dụng một phần thửa đất số 343, tờ bản đồ số 04, giao cho Gia đình ông C được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên phần đất được giao, giao cho ông T, ông T3 được quyền sở hữu toàn bộ cây dừa và cây cau có trên phần đất được giao, nhưng không tuyên cụ thể toàn bộ tài sản giao cho Gia đình ông C gồm những tài sản gì, giá trị là bao nhiêu, thuộc sở hữu của ai và ai là người đang quản lý và thu hoạch, cũng tương tự như vậy, cấp sơ thẩm không tuyên giao cho ông T và ông T3 mỗi ông được sở hữu bao nhiêu cây dừa, bao nhiêu cây cau. Hơn nữa, cấp sơ thẩm không xác định được số lượng bao nhiêu cây cau, không tiến hành định giá giá trị của các cây cau như thế nào và vị trí các cây dừa, cây cau trên mỗi phần đất được giao là bao nhiêu cây và số cây cau này thuộc sở hữu của ai, ai là người đang quản lý, thu hoạch nên cũng không có căn cứ để tính án phí chia tài sản chung, chia di sản thừa kế là vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV về án phí, lệ phí Tòa án và vi phạm về thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản quy định tại Điều 101, 104 của Bộ luật tố tụng dân sự, dẫn đến việc giải quyết vụ án không triệt để, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[1.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không có đơn bổ sung yêu cầu chia tài sản chung là 05 thửa đất mà các bên đương sự đã tự thỏa thuận chia, thuộc quyền sử dụng chung của cụ L1, ông T và ông T3, không liên quan gì đất 03 thửa đất đã chia cho cụ T5 và gia đình ông C sử dụng chung. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm lại tự tiến hành chia mà không tiến hành lấy lời khai, hòa giải và đối chất giữa các bên đương sự để biết rõ yêu cầu, ý kiến của các bên đương sự như thế nào là vi phạm quyền tự định đoạt của các đương sự được quy định tại Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Từ những phân tích trên xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể khắc phục được nên phải hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Kháng cáo ông Nguyễn C, của ông Nguyễn Thanh T3 và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Theo quy định tại khoản 3 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự thì án phí sơ thẩm sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án và bà ông Nguyễn C và ông Nguyễn Thanh T3 không phải chịu án phí

dân sự phúc thẩm. Chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

[4] Luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M, anh V và cháu L của Luật sư Lê Thị Xuân P và luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Nguyễn C của Luật sư Nguyễn Hữu H là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn C, của ông Nguyễn Thanh T3 và Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 386/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí, chi phí tố tụng khác:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác sẽ được giải quyết khi giải quyết lại vụ án.

2.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho ông Nguyễn C và ông Nguyễn Thanh T3 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo các Biên lai thu tiền Số: 0006803 và 0006804 ngày 18/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND TX. Hoài Nhơn;
- CCTHADS TX. Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Công Phương

